

Số: **238** /QĐ-SCT

Hải Phòng, ngày **18** tháng **8** năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phân bổ, giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2025
của Sở Công Thương sau sắp xếp

GIÁM ĐỐC SỞ CÔNG THƯƠNG THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Quyết định số 64/2025/QĐ-UBND ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Ủy ban nhân thành phố Hải Phòng ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Công Thương thành phố Hải Phòng;

Căn cứ Quyết định Quyết định số 2999/QĐ-UBND ngày 25 tháng 7 năm 2025 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng về giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2025 cho các cấp, các ngành, các đơn vị thành phố Hải Phòng sau sắp xếp;

Xét đề nghị của Chánh Văn phòng Sở,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phân bổ và giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2025 cho các đơn vị sử dụng ngân sách trực thuộc Sở Công Thương thành phố Hải Phòng sau sắp xếp

(Theo phụ lục đính kèm).

Điều 2. Căn cứ dự toán chi ngân sách năm 2025 được giao, thủ trưởng các đơn vị tổ chức thực hiện theo đúng quy định của Luật ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn thực hiện.

Điều 3. Các Ông (bà) Chánh Văn phòng Sở, Trưởng các phòng chuyên môn, Chi cục Trưởng Chi cục Quản lý thị trường, Trung tâm Khuyến công và TVPTCN chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. *RL*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- GD, các PGĐ Sở
- Sở Tài chính;
- KBNN Hải Phòng;
- Lưu: VT, VP;



Nguyễn Hoàng Long

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025

Đơn vị: Sở Công Thương

KBNN nơi đơn vị giao dịch: Kho bạc Nhà nước Khu vực III

(Kèm theo Quyết định số 238 ngày 08 tháng 8 năm 2025 của Sở Công Thương)

Đơn vị: đồng

STT	Mã loại khoản	Nội dung	Tổng dự toán giao
A		Tổng số thu, chi, nộp ngân sách	
1		Lệ phí, phí (số thu)	1.848.000.000
		Phía Tây Hải Phòng	900.000.000
		Phía Đông Hải Phòng	948.000.000
2		Số nộp NSNN	1.590.000.000
		Phía Tây Hải Phòng	900.000.000
		Phía Đông Hải Phòng	690.000.000
3		Phí, Lệ phí (số thu được để lại)_	258.000.000
		Phía Tây Hải Phòng	-
		Phía Đông Hải Phòng	258.000.000
B		TỔNG DỰ TOÁN CHI NSNN	58.715.000.000
I	341	Chi hoạt động của cơ quan nhà nước	32.720.000.000
1		Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	25.160.000.000
1.1		Kinh phí thực hiện cơ chế tự chủ - phía Tây HP (QĐ 3333/QĐ-UBND ngày 18/12/2024)	11.356.000.000
1.1.1		Quỹ tiền lương	8.921.824.000
1.1.2		Chi thường xuyên theo định mức	1.271.176.000
1.1.3		Các khoản chi đặc thù ngoài định mức	1.163.000.000
1.2		Kinh phí thực hiện cơ chế tự chủ - phía Đông HP (QĐ 4668/QĐ-UBND ngày 9/12/2024)	13.804.000.000
1.2.1		1.1. Kinh phí theo định mức thường xuyên	9.653.000.000
1.2.2		1.2. Kinh phí tăng lương cơ sở theo NĐ 24/2023/NĐ-CP và NĐ 73/2024/NĐ-CP	4.151.000.000
2		Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	6.327.000.000
2.1		Kinh phí không thực hiện cơ chế tự chủ (nhiệm vụ chuyên môn)- phía Tây HP (QĐ 3333/QĐ-UBND ngày 18/12/2024)	1.777.000.000
2.1.1		Chi tổ chức Ngày quyền của người tiêu dùng 15-3	218.365.000
2.1.2		Chi hỗ trợ thực hiện giờ trái đất 2025	20.000.000
2.1.3		Đồng phục thanh tra	10.000.000
2.1.4		Xây dựng văn bản QPPL (4 văn bản)	76.000.000

STT	Mã loại khoản	Nội dung	Tổng dự toán giao
2.1.5		Chỉnh lý tài liệu	90.000.000
2.1.6		Sửa chữa, mua sắm	180.000.000
2.1.7		Đại hội Đảng	72.635.000
2.1.8		Mua ô tô	1.100.000.000
2.1.9		Tăng cường chương trình Tài chính kế toán	10.000.000
2.2		Kinh phí thực hiện cơ chế tự chủ (nhiệm vụ chuyên môn)- phía Đông HP (QĐ 4668/QĐ-UBND ngày 9/12/2024)	4.550.000.000
2.2.1		Xây dựng, áp dụng và duy trì cải tiến Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2015	36.000.000
2.2.2		Chi hoạt động cho cổng thông tin điện tử của Sở	90.000.000
2.2.3		Chi hoạt động, triển khai nhiệm vụ BCĐ phát triển công nghiệp và bảo vệ an toàn công trình lưới điện cao áp thành phố Hải Phòng	180.000.000
2.2.4		Vận hành, duy trì cơ sở dữ liệu Cụm công nghiệp TP Hải Phòng	27.000.000
2.2.5		Tổ chức triển khai thực hiện "Tháng khuyến mại Hải Phòng"	450.000.000
2.2.6		Triển khai công tác bảo vệ quyền lợi của người tiêu dùng	225.000.000
2.2.7		Kinh phí hoạt động QLNN về An toàn thực phẩm, Vật liệu nổ, Hóa chất, An toàn trong kinh doanh khí, hoạt động chế biến, kinh doanh than, bảo vệ Môi trường ngành công thương	495.000.000
2.2.8		Triển khai nhiệm vụ ứng dụng công nghệ thông tin	135.000.000
2.2.9		Nâng cao nhận thức, tuyên truyền phổ biến ứng dụng CNTT và CDS trong XTMM trên địa bàn TP; phổ biến các quy định, cơ chế, chính sách về ứng dụng CNTT và CDS trong hoạt động XTMM	180.000.000
2.2.10		Nhiệm vụ thường niên: Tham gia Hội nghị ngành Công Thương 05 thành phố trực thuộc Trung ương	135.000.000
2.2.11		Tổ chức các hoạt động phong trào thi đua năm 2025 Cụm thi đua số 2 - Bộ Công Thương	315.000.000
2.2.12		Tổ chức xét tặng danh hiệu "Nghệ nhân nhân dân", "Nghệ nhân ưu tú" năm 2025	90.000.000
2.2.13		Hoạt động và tổ chức Đại hội Đảng bộ cơ quan	135.000.000
2.2.14		Thực hiện Chương trình phát triển thị trường theo Kế hoạch 130/KH-UBND ngày 28/5/2021	914.000.000
2.2.15		Cập nhật Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất trên địa bàn thành phố Hải Phòng	1.143.000.000
3	341	Quỹ tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP	1.233.000.000

STT	Mã loại khoản	Nội dung	Tổng dự toán giao
3.1		Quỹ tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP - phía Đông HP (QĐ 4668/QĐ-UBND ngày 9/12/2024)	733.000.000
3.2		Quỹ tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP - phía Tây HP (QĐ 3333/QĐ-UBND ngày 18/12/2024)	500.000.000
II		Các chương trình, đề án, nghị quyết	13.273.000.000
1	309	Đề án Khuyến công, Chương trình phát triển công nghiệp hỗ trợ - phía Đông HP (QĐ 4668/QĐ-UBND ngày 9/12/2024)	2.968.000.000
2	338	Chương trình Xúc tiến thương mại, Chương trình hành động quốc gia sản xuất và tiêu dùng bền vững (phía Đông HP)- phía Đông HP (QĐ 4668/QĐ-UBND ngày 9/12/2024)	3.105.000.000
3	338	Chương trình thương mại điện tử - phía Đông HP(QĐ 4668/QĐ-UBND ngày 9/12/2024)	1.800.000.000
4	338	Chương trình sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả trên địa bàn thành phố - phía Đông HP (QĐ 4668/QĐ-UBND ngày 9/12/2024)	900.000.000
5	309	Kinh phí thực hiện các đề án khuyến công địa phương - phía Tây HP (QĐ số 2224/QĐ-UBND ngày 20/6/2025) - Đã phân bổ: 3.893.770.000 đồng; Chưa phân bổ: 606.230.000 đồng	4.500.000.000
III	098	Kinh phí đào tạo	221.000.000
1		Chi thường xuyên không giao tự chủ - phía Tây HP (QĐ 3333/QĐ-UBND ngày 18/12/2024)	221.000.000
IV		Chi sự nghiệp ngành Công thương	12.501.000.000
1		Chi thường xuyên giao tự chủ	5.266.278.000
1.1	309	Kinh phí chi hoạt động thường xuyên của Trung tâm Khuyến công và Tư vấn PTCN được giao thực hiện cơ chế tự chủ tài chính theo quy định tại Nghị định 60/2021/NĐ-CP - phía Tây HP (QĐ 3333/QĐ-UBND ngày 18/12/2024)	1.427.278.000
1.2	338	Kinh phí theo định mức thường xuyên - phía Đông HP (QĐ 4668/QĐ-UBND ngày 9/12/2024)	2.037.000.000
1.3	338	Kinh phí tăng lương cơ sở theo NĐ 24/2023/NĐ-CP và NĐ 73/2024/NĐ-CP- phía Đông HP (QĐ 4668/QĐ-UBND ngày 9/12/2024)	1.003.000.000
2	338	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ - phía Đông HP (QĐ 4668/QĐ-UBND ngày 9/12/2024)	799.000.000

STT	Mã loại khoản	Nội dung	Tổng dự toán giao
2.1		Quỹ tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP- phía Đông HP (QĐ 4668/QĐ-UBND ngày 9/12/2024)	213.000.000
2.2		Chi chuyên môn nghiệp vụ - phía Đông HP (QĐ 4668/QĐ-UBND ngày 9/12/2024)	586.000.000
3		Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ - Chi sự nghiệp ngành Công thương- phía Tây HP (QĐ 3333/QĐ-UBND ngày 18/12/2024)- Đã phân bổ : 51.550.000 đồng; Chưa phân bổ kinh phí: 7.183.172.000 đồng	7.234.722.000



DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025

Đơn vị: Sở Công Thương

KBNN nơi đơn vị giao dịch: Kho bạc Nhà nước Khu vực III

(Kèm theo Quyết định số 238 ngày 08 tháng 8 năm 2025 của Sở Công Thương)

Đơn vị: đồng

STT	Mã loại khoản	Nội dung	Tổng dự toán giao	Chi tiết theo đơn vị sử dụng		
				Sở Công Thương	Trung tâm KH&TVPTCN	Chi cục QLTT
A		Tổng số thu, chi, nộp ngân sách				
1		Lệ phí, phí (số thu)	1.848.000.000	1.848.000.000		
		Phía Tây Hải Phòng	900.000.000	900.000.000		
		Phía Đông Hải Phòng	948.000.000	948.000.000		
2		Số nộp NSNN	1.590.000.000	1.590.000.000		
		Phía Tây Hải Phòng	900.000.000	900.000.000		
		Phía Đông Hải Phòng	690.000.000	690.000.000		
3		Phí, Lệ phí (số thu được để lại)	258.000.000	258.000.000		
		Phía Tây Hải Phòng	-	-		
		Phía Đông Hải Phòng	258.000.000	258.000.000		
B		TỔNG DỰ TOÁN CHI NSNN	58.715.000.000	45.732.172.001	8.982.828.000	4.000.000.000
I	341	Chi hoạt động của cơ quan nhà nước	32.720.000.000	28.720.000.001	-	4.000.000.000
1		Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	25.160.000.000	21.160.000.000	-	4.000.000.000
1.1		Kinh phí thực hiện cơ chế tự chủ - phía Tây HP (QĐ 3333/QĐ-UBND ngày 18/12/2024)	11.356.000.000	11.356.000.000		
1.1.1		Quỹ tiền lương	8.921.824.000	8.921.824.000		
1.1.2		Chi thường xuyên theo định mức	1.271.176.000	1.271.176.000		
1.1.3		Các khoản chi đặc thù ngoài định mức	1.163.000.000	1.163.000.000		
1.2		Kinh phí thực hiện cơ chế tự chủ - phía Đông HP (QĐ 4668/QĐ-UBND ngày 9/12/2024)	13.804.000.000	9.804.000.000		4.000.000.000

PHÓ
ĐƯNG
S
JAX

STT	Mã loại khoản	Nội dung	Tổng dự toán giao	Chi tiết theo đơn vị sử dụng		
				Sở Công Thương	Trung tâm KH&TVPTCN	Chi cục QLTT
1.2.1		1.1. Kinh phí theo định mức thường xuyên	9.653.000.000	6.993.000.000		2.660.000.000
1.2.2		1.2. Kinh phí tăng lương cơ sở theo ND 24/2023/ND-CP và ND 73/2024/ND-CP	4.151.000.000	2.811.000.000		1.340.000.000
2		Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	6.327.000.000	6.327.000.001	-	-
2.1		Kinh phí không thực hiện cơ chế tự chủ (nhiệm vụ chuyên môn)- phía Tây HP (QĐ 3333/QĐ-UBND ngày 18/12/2024)	1.777.000.000	1.777.000.001		
2.1.1		Chỉ tổ chức Ngày quyền của người tiêu dùng 15-3	218.365.000	218.365.000		
2.1.2		Chi hỗ trợ thực hiện giờ trái đất 2025	20.000.000	20.000.000		
2.1.3		Đồng phục thanh tra	10.000.000	10.000.000		
2.1.4		Xây dựng văn bản QPPL (4 văn bản)	76.000.000	76.000.001		
2.1.5		Chính lý tài liệu	90.000.000	90.000.000		
2.1.6		Sửa chữa, mua sắm	180.000.000	180.000.000		
2.1.7		Đại hội Đảng	72.635.000	72.635.000		
2.1.8		Mua ô tô	1.100.000.000	1.100.000.000		
2.1.9		Tăng cường chương trình Tài chính kế toán	10.000.000	10.000.000		
2.2		Kinh phí thực hiện cơ chế tự chủ (nhiệm vụ chuyên môn)- phía Đông HP (QĐ 4668/QĐ-UBND ngày 9/12/2024)	4.550.000.000	4.550.000.000		
2.2.1		Xây dựng, áp dụng và duy trì cài tiến Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2015	36.000.000	36.000.000		
2.2.2		Chi hoạt động cho công thông tin điện tử của Sở	90.000.000	90.000.000		
2.2.3		Chi hoạt động, triển khai nhiệm vụ BCD phát triển công nghiệp và bảo vệ an toàn công trình lưới điện cao áp thành phố Hải Phòng	180.000.000	180.000.000		

HÀNG
THỦ
Ở
HÀNG

STT	Mã loại khoản	Nội dung	Tổng dự toán giao	Chi tiết theo đơn vị sử dụng		
				Sở Công Thương	Trung tâm KH&TVPTCN	Chi cục QLTT
2.2.4		Vận hành, duy trì cơ sở dữ liệu Cụm công nghiệp TP Hải Phòng	27.000.000	27.000.000		
2.2.5		Tổ chức triển khai thực hiện "Tháng khuyến mại Hải Phòng"	450.000.000	450.000.000		
2.2.6		Triển khai công tác bảo vệ quyền lợi của người tiêu dùng	225.000.000	225.000.000		
2.2.7		Kinh phí hoạt động QLNN về An toàn thực phẩm, Vật liệu nổ, Hóa chất, An toàn trong kinh doanh khí, hoạt động chế biến, kinh doanh than, bảo vệ Môi trường ngành công thương	495.000.000	495.000.000		
2.2.8		Triển khai nhiệm vụ ứng dụng công nghệ thông tin	135.000.000	135.000.000		
2.2.9		Nâng cao nhận thức, tuyên truyền phổ biến ứng dụng CNTT và CDS trong XTTM trên địa bàn TP; phổ biến các quy định, cơ chế, chính sách về ứng dụng CNTT và CDS trong hoạt động XTTM	180.000.000	180.000.000		
2.2.10		Nhiệm vụ thường niên: Tham gia Hội nghị ngành Công Thương 05 thành phố trực thuộc Trung ương	135.000.000	135.000.000		
2.2.11		Tổ chức các hoạt động phong trào thi đua năm 2025 Cụm thi đua số 2 - Bộ Công Thương	315.000.000	315.000.000		
2.2.12		Tổ chức xét tặng danh hiệu "Nghệ nhân nhân dân", "Nghệ nhân ưu tú" năm 2025	90.000.000	90.000.000		
2.2.13		Hoạt động và tổ chức Đại hội Đảng bộ cơ quan	135.000.000	135.000.000		
2.2.14		Thực hiện Chương trình phát triển thị trường theo Kế hoạch 130/KH-UBND ngày 28/5/2021	914.000.000	914.000.000		
2.2.15		Cập nhật Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất trên địa bàn thành phố Hải Phòng	1.143.000.000	1.143.000.000		
3	341	Quỹ tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP	1.233.000.000	1.233.000.000		

STT	Mã loại khoản	Nội dung	Tổng dự toán giao	Chi tiết theo đơn vị sử dụng		
				Sở Công Thương	Trung tâm KH&TVPTCN	Chi cục QLTT
3.1		Quỹ tiền thương theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP - phía Đông HP (QĐ 4668/QĐ-UBND ngày 9/12/2024)	733.000.000	733.000.000		
3.2		Quỹ tiền thương theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP - phía Tây HP (QĐ 3333/QĐ-UBND ngày 18/12/2024)	500.000.000	500.000.000		
II		Các chương trình, đề án, nghị quyết	13.273.000.000	9.608.000.000	3.665.000.000	
1	309	Đề án Khuyến công, Chương trình phát triển công nghiệp hỗ trợ - phía Đông HP (QĐ 4668/QĐ-UBND ngày 9/12/2024)	2.968.000.000	2.968.000.000		
2	338	Chương trình Xúc tiến thương mại, Chương trình hành động quốc gia sản xuất và tiêu dùng bền vững (phía Đông HP)- phía Đông HP (QĐ 4668/QĐ-UBND ngày 9/12/2024)	3.105.000.000	3.105.000.000		
3	338	Chương trình thương mại điện tử - phía Đông HP(QĐ 4668/QĐ-UBND ngày 9/12/2024)	1.800.000.000	1.800.000.000		
4	338	Chương trình sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả trên địa bàn thành phố - phía Đông HP (QĐ 4668/QĐ-UBND ngày 9/12/2024)	900.000.000	900.000.000		
5	309	Kinh phí thực hiện các đề án khuyến công địa phương - phía Tây HP (QĐ số 2224/QĐ-UBND ngày 20/6/2025) - Đã phân bổ: 6.893.770.000 đồng; Chưa phân bổ: 606.230.000 đồng	4.500.000.000	835.000.000	3.665.000.000	
III	098	Kinh phí đào tạo	221.000.000	221.000.000		
1		Chi thường xuyên không giao tự chủ - phía Tây HP (QĐ 3333/QĐ-UBND ngày 18/12/2024)	221.000.000	221.000.000		
IV		Chi sự nghiệp ngành Công thương	12.501.000.000	7.183.172.000	5.317.828.000	

STT	Mã loại khoản	Nội dung	Tổng dự toán giao	Chi tiết theo đơn vị sử dụng		
				Số Công Thương	Trung tâm KH&TVPTCN	Chi cục QLTT
1		Chi thường xuyên giao tự chủ	5.266.278.000		5.266.278.000	
1.1	309	Kinh phí chi hoạt động thường xuyên của Trung tâm Khuyến công và Tư vấn PTCN được giao thực hiện cơ chế tự chủ tài chính theo quy định tại Nghị định 60/2021/NĐ-CP - phía Tây HP (QĐ 3333/QĐ-UBND ngày 18/12/2024)	1.427.278.000		1.427.278.000	
1.2	338	Kinh phí theo định mức thường xuyên - phía Đông HP (QĐ 4668/QĐ-UBND ngày 9/12/2024)	2.037.000.000		2.037.000.000	
1.3	338	Kinh phí tăng lương cơ sở theo NĐ 24/2023/NĐ-CP và NĐ 73/2024/NĐ-CP- phía Đông HP (QĐ 4668/QĐ-UBND ngày 9/12/2024)	1.003.000.000		1.003.000.000	
2	338	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ - phía Đông HP (QĐ 4668/QĐ-UBND ngày 9/12/2024)	799.000.000		799.000.000	
2.1		Quỹ tiền thường theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP- phía Đông HP (QĐ 4668/QĐ-UBND ngày 9/12/2024)	213.000.000		213.000.000	
2.2		Chi chuyên môn nghiệp vụ - phía Đông HP (QĐ 4668/QĐ-UBND ngày 9/12/2024)	586.000.000		586.000.000	
3		Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ - Chi sự nghiệp ngành Công thương- phía Tây HP (QĐ 3333/QĐ-UBND ngày 18/12/2024)- Đã phân bổ : 51.550.000 đồng; Chưa phân bổ kinh phí: 7.183.172.000 đồng	7.234.722.000	7.183.172.000	51.550.000	
MÃ ĐƠN VỊ SỬ DỤNG NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC				1069530	1082518	1016304
KHO BẠC NHÀ NƯỚC NƠI GIAO DỊCH			KBNN KHU VỰC III (0061)			

NG H
CÔ
H. PH

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025
Đơn vị: Sở Công Thương
Mã số đơn vị sử dụng NSNN: 1069530

KBNN nơi đơn vị giao dịch: Kho bạc Nhà nước Khu vực III

(Kèm theo Quyết định số 238 ngày 08 tháng 8 năm 2025 của Sở Công Thương)

Đơn vị: đồng

STT	Mã loại khoản	Nội dung	Dự toán giao
A		Tổng số thu, chi, nộp ngân sách	
1		Lệ phí, phí (số thu)	1.848.000.000
		Phía Tây Hải Phòng	900.000.000
		Phía Đông Hải Phòng	948.000.000
2		Số nộp NSNN	1.590.000.000
		Phía Tây Hải Phòng	900.000.000
		Phía Đông Hải Phòng	690.000.000
3		Phí, Lệ phí (số thu được để lại)_	258.000.000
		Phía Tây Hải Phòng	-
		Phía Đông Hải Phòng	258.000.000
B		TỔNG DỰ TOÁN CHI NSNN	45.732.172.000
I	341	Chi hoạt động của cơ quan nhà nước	28.720.000.000
1		Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	21.160.000.000
1.1		Kinh phí thực hiện cơ chế tự chủ - phía Tây HP (QĐ 3333/QĐ-UBND ngày 18/12/2024)	11.356.000.000
1.1.1		Quỹ tiền lương	8.921.824.000
1.1.2		Chi thường xuyên theo định mức	1.271.176.000
1.1.3		Các khoản chi đặc thù ngoài định mức	1.163.000.000
1.2		Kinh phí thực hiện cơ chế tự chủ - phía Đông HP (QĐ 4668/QĐ-UBND ngày 9/12/2024)	9.804.000.000
1.2.1		1.1. Kinh phí theo định mức thường xuyên	6.993.000.000
1.2.2		1.2. Kinh phí tăng lương cơ sở theo NĐ 24/2023/NĐ-CP và NĐ 73/2024/NĐ-CP	2.811.000.000
2		Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	6.327.000.000
2.1		Kinh phí không thực hiện cơ chế tự chủ (nhiệm vụ chuyên môn)- phía Tây HP (QĐ 3333/QĐ-UBND ngày 18/12/2024)	1.777.000.000
2.1.1		Chi tổ chức Ngày quyền của người tiêu dùng 15-3	218.365.000

STT	Mã loại khoản	Nội dung	Dự toán giao
2.1.2		Chi hỗ trợ thực hiện giờ trái đất 2025	20.000.000
2.1.3		Đồng phục thanh tra	10.000.000
2.1.4		Xây dựng văn bản QPPL (4 văn bản)	76.000.000
2.1.5		Chỉnh lý tài liệu	90.000.000
2.1.6		Sửa chữa, mua sắm	180.000.000
2.1.7		Đại hội Đảng	72.635.000
2.1.8		Mua ô tô	1.100.000.000
2.1.9		Tăng cường chương trình Tài chính kế toán	10.000.000
2.2		Kinh phí thực hiện cơ chế tự chủ (nhiệm vụ chuyên môn)- phía Đông HP (QĐ 4668/QĐ-UBND ngày 9/12/2024)	4.550.000.000
2.2.1		Xây dựng, áp dụng và duy trì cải tiến Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2015	36.000.000
2.2.2		Chi hoạt động cho cổng thông tin điện tử của Sở	90.000.000
2.2.3		Chi hoạt động, triển khai nhiệm vụ BCD phát triển công nghiệp và bảo vệ an toàn công trình lưới điện cao áp thành phố Hải Phòng	180.000.000
2.2.4		Vận hành, duy trì cơ sở dữ liệu Cụm công nghiệp TP Hải Phòng	27.000.000
2.2.5		Tổ chức triển khai thực hiện "Tháng khuyến mại Hải Phòng"	450.000.000
2.2.6		Triển khai công tác bảo vệ quyền lợi của người tiêu dùng	225.000.000
2.2.7		Kinh phí hoạt động QLNN về An toàn thực phẩm, Vật liệu nổ, Hóa chất, An toàn trong kinh doanh khí, hoạt động chế biến, kinh doanh than, bảo vệ Môi trường ngành công thương	495.000.000
2.2.8		Triển khai nhiệm vụ ứng dụng công nghệ thông tin	135.000.000
2.2.9		Nâng cao nhận thức, tuyên truyền phổ biến ứng dụng CNTT và CDS trong XTTM trên địa bàn TP; phổ biến các quy định, cơ chế, chính sách về ứng dụng CNTT và CDS trong hoạt động XTTM	180.000.000
2.2.10		Nhiệm vụ thường niên: Tham gia Hội nghị ngành Công Thương 05 thành phố trực thuộc Trung ương	135.000.000
2.2.11		Tổ chức các hoạt động phong trào thi đua năm 2025 Cụm thi đua số 2 - Bộ Công Thương	315.000.000
2.2.12		Tổ chức xét tặng danh hiệu "Nghệ nhân nhân dân", "Nghệ nhân ưu tú" năm 2025	90.000.000

H.C.
JON
PHO

STT	Mã loại khoản	Nội dung	Dự toán giao
2.2.13		Hoạt động và tổ chức Đại hội Đảng bộ cơ quan	135.000.000
2.2.14		Thực hiện Chương trình phát triển thị trường theo Kế hoạch 130/KH-UBND ngày 28/5/2021	914.000.000
2.2.15		Cập nhật Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất trên địa bàn thành phố Hải Phòng	1.143.000.000
3	341	Quỹ tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP	1.233.000.000
3.1		Quỹ tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP - phía Đông HP (QĐ 4668/QĐ-UBND ngày 9/12/2024)	733.000.000
3.2		Quỹ tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP - phía Tây HP (QĐ 3333/QĐ-UBND ngày 18/12/2024)	500.000.000
II		Các chương trình, đề án, nghị quyết	9.608.000.000
1	309	Đề án Khuyến công, Chương trình phát triển công nghiệp hỗ trợ - phía Đông HP (QĐ 4668/QĐ-UBND ngày 9/12/2024)	2.968.000.000
2	338	Chương trình Xúc tiến thương mại, Chương trình hành động quốc gia sản xuất và tiêu dùng bền vững (phía Đông HP)- phía Đông HP (QĐ 4668/QĐ-UBND ngày 9/12/2024)	3.105.000.000
3	338	Chương trình thương mại điện tử - phía Đông HP(QĐ 4668/QĐ-UBND ngày 9/12/2024)	1.800.000.000
4	338	Chương trình sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả trên địa bàn thành phố - phía Đông HP (QĐ 4668/QĐ-UBND ngày 9/12/2024)	900.000.000
5	309	Kinh phí thực hiện các đề án khuyến công địa phương - phía Tây HP (QĐ số 2224/QĐ-UBND ngày 20/6/2025) - Đã phân bổ: 6.893.770.000 đồng; Chưa phân bổ: 606.230.000 đồng	835.000.000
III	098	Kinh phí đào tạo	221.000.000
1		Chi thường xuyên không giao tự chủ - phía Tây HP (QĐ 3333/QĐ-UBND ngày 18/12/2024)	221.000.000
IV		Chi sự nghiệp ngành Công thương	7.183.172.000
1		Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ - Chi sự nghiệp ngành Công thương- phía Tây HP (QĐ 3333/QĐ-UBND ngày 18/12/2024)- Đã phân bổ : 51.550.000 đồng; Chưa phân bổ kinh phí: 7.183.172.000 đồng	7.183.172.000